

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐN
THÀNH PHỐ P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HS-ST

Ngày: 22-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐN, TP. P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lan Hương; nghề ngH: Giáo viên;

Ông Doãn Văn Sáng; nghề ngH: Công chức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phốN, thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phốN, thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 225/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Bá D, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phốL, phường H (Địa chỉ cũ: ThônL, xã H), thành phốN, thành phố P; nghề ngH: Không; trình độ văn hoá: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Bá T(đã chết) và bà: Nguyễn Thị Y (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án: 05 bao gồm Bản án số 113/HSST ngày 15/8/2007, Bản án số 17/2015/HSST ngày 28/01/2015, Bản án số 133/2017/HSST ngày 01/12/2017, Bản án số 74/2019/HSST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyệnN, thành phố P và Bản án số 103/HSST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh N; tiền sự:

Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 06/9/2024; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Trần Đức Q, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 10, xã T (Địa chỉ cũ: Thôn 10, xã M), thành phố N, thành phố P; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cháu Phạm Hoàng H, sinh ngày 30/8/2009; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường T (Địa chỉ cũ: Thôn 2, xã T), thành phố N, thành phố P; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Hoàng H là: Ông Phạm Văn Q1, sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1969 (là bố mẹ đẻ cháu H); nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường T, thành phố N, thành phố P; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Phạm Hoàng H:* Bà Đặng Thị Minh L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố P; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề ổn định nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người dân trên địa bàn thành phố N để bán lấy tiền ăn tiêu, cụ thể: Do nghiện chất ma túy nên Trần Bá D nảy sinh ý định tìm những nhà dân sơ hở trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt đem bán lấy tiền ăn tiêu. Thực hiện ý định trên, khoảng 11 giờ 30 phút ngày 01/09/2024, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, màu đen, BKS: 16R1- 6332 đi đến khu vực đường liên thôn T – M, D thấy xưởng gỗ của gia đình anh Trần Đức Q, sinh năm 1984, tại thôn 10, xã M (Hiện nay là Thôn 10, xã T), Thủy Nguyên, P công mở nên D đi xe vào bên trong sân thì phát hiện 01 máy cắt gỗ cầm tay, nhãn hiệu Makita, màu xanh xám, loại sử dụng bằng điện để ở cuối xưởng. D đã lấy chiếc máy cắt để nên văng xe mô tô rồi điều khiển đi ra đến cổng thì bị anh Phạm Văn An, sinh năm 1986 (là người làm thuê tại xưởng gỗ) phát hiện, đã hô hoán và truy đuổi theo. Thấy vậy, D điều khiển xe mô

tô bỏ chạy được khoảng 30m thì quần chúng nhân dân bắt giữ được D cùng vật chứng đưa đến trụ sở Công an xã M giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Bá D khai nhận hành vi của mình như trên. Ngoài ra, D còn khai nhận trước đó vào khoảng 09 giờ ngày 20/8/2024, D điều khiển xe mô tô BKS: 16R1- 6332 đi đến nhà anh Đặng Văn Phong, sinh năm 1986, trú tại Tổ dân phố 3, phường T (Địa chỉ cũ là thôn 3, xã T), thành phố Thủy Nguyên, P, D nhìn qua tường bao thấy ở sân có dựng 01 xe đạp địa hình loại hai gióng, nhãn hiệu Thống Nhất, màu đen đỏ (sau này được biết là của cháu Phạm Hoàng H, sinh năm 2009, nơi cư trú : Tổ dân phố 2, phường T, thành phố Thủy Nguyên, P dựng nhờ ở sân nhà anh Phong), D mở cổng đi vào trong sân rồi bê chiếc xe đạp này để lên yên xe mô tô rồi chở sang khu vực đường tàu nội thành P bán cho một người đàn ông không quen biết được số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), số tiền này D đã một mình ăn tiêu hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 05/09/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thủy Nguyên kết luận: 01 máy cắt gỗ cầm tay nhãn hiệu Makita, dạng máy cầm điện cầm tay (đã qua sử dụng) của Trần Đức Q tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 24/10/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố N kết luận: 01 xe đạp địa hình hai gióng, nhãn hiệu Thống Nhất, màu đen, đã qua sử dụng của Phạm Hoàng H tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã thu giữ được 01 đoạn video ghi lại diễn biến vụ trộm cắp chiếc xe đạp ngày 20/8/2024 tại xã T.

Tại bản Kết luận giám định số 3253/KL-KTHS ngày 30/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố P kết luận: 01 (một) tập tin video có phần mở rộng MP4 dung lượng 18,7 MB được lưu trong 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Kingston 4GB đã qua sử dụng (Ký hiệu A) không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận hành vi của mình như trên.

Tại cơ quan điều tra, các bị hại trình bày như nội dung nêu trên. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, các bị hại đã đến cơ quan công an trình báo. Hiện tại bị hại là anh Trần Đức Q đã nhận lại tài sản của mình và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì và cháu H yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với mức 2.500.000 đồng là trị giá tài sản bị chiếm đoạt cho mình.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Bá D thừa nhận hành vi một mình lén lút chiếm đoạt các tài sản như nội dung nêu trên là tài sản hợp pháp của các bị hại là anh Trần Đức Q và cháu Phạm Hoàng H.

Về vật chứng trong vụ án: 01 máy cắt gỗ cầm tay, nhãn hiệu Makita, màu xanh xám, loại sử dụng bằng điện, đã qua sử dụng, sau khi tiến hành xong các hoạt động điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Đức Q.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, màu đen bạc, BKS: 16R1-6332 do Trần Bá D điều khiển làm phương tiện đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định được chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô trên là anh Trần Bá H, sinh năm 1978, nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường H (Địa chỉ cũ: Thôn L, xã Hoà Bình), thành phố Thủy Nguyên, P là anh trai của Trần Bá D, anh Hà cho D mượn xe để đi lại, việc D sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản anh Hà không biết, không liên quan gì. Qua xác định số khung số máy của xe mô tô trên không bị tẩy xóa, sửa chữa nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh H.

Đối với 01 thẻ nhớ ghi lại nội dung diễn biến hành vi của Trần Bá D trộm cắp chiếc xe đạp được chuyển cùng hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Anh Trần Đức Q đã nhận lại tài sản và không còn yêu cầu đề nghị gì khác. Phạm Hoàng H đề nghị Trần Bá D phải bồi thường số tiền chiếc xe đạp bị trộm cắp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng đến nay Trần Bá D chưa bồi thường.

Kiểm sát viên và bị cáo, bà Đặng Thị Minh L đồng ý với nội dung kết luận định giá tài sản, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày quan điểm tại phiên tòa:

Thông nhất quan điểm về tội danh, điều luật áp dụng và hành vi của bị cáo mà Viện kiểm sát đã truy tố và mức bồi thường thiệt hại như bị hại và bị cáo chấp thuận cho cháu H là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) mà đến nay Trần Bá D chưa bồi thường. Tuy nhiên, bà đề nghị Hội đồng xét xử (Viết tắt HĐXX) áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhất đối với bị cáo với những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là bị cáo phạm tội 02 lần nên có tính chất chuyên ngH và phạm tội đối với đối tượng là người dưới 16 tuổi.

Những người đại diện hợp pháp cho bị hại Phạm Hoàng H và các bị hại có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên tòa vì lý do khách quan đồng thời vẫn giữ nguyên các quan điểm, yêu cầu đã trình bày trước đây tại cơ quan điều tra.

Bản Cáo trạng số 244/CT-VKS ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phốN truy tố Trần Bá D về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phốN vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; “người phạm tội thành khẩn khai báo” và “phạm tội gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị xử phạt bị cáo Trần Bá D với mức từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 06/9/2024; không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo; Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật buộc bị cáo có trách nhiệm phải bồi thường cho bị hại Phạm Hoàng H số tiền 2.500.000 đồng; Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và các bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, hai lần có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại tổng trị giá **4.500.000 đồng** của các bị hại mà mỗi lần đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm đối với tội Trộm cắp tài sản của bị cáo Trần Bá D được quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Các chứng cứ xác định bị cáo không có tội bị loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo đã phạm tội 02 lần thuộc điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng định khung: Khi phạm tội bị cáo có 05 tiền án chưa được xóa án tích thể hiện tại:

Bản án số 113/HSST ngày 15/8/2007, Tòa án nhân dân huyện N xử phạt Trần Bá D 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, thời gian phạt tù tính từ ngày 01/5/2007 (giá trị tài sản chiếm đoạt 2.170.000 đồng); phải nộp 50.000 đồng án phí

hình sự sơ thẩm và 130.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Về phần dân sự: Trần Bá D phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn Triệu số tiền 690.000 đồng, anh Nguyễn Quang Hiếu số tiền 1.385.000 đồng, ông Đoàn Văn Toán số tiền 375.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/5/2008 và đã thi hành xong khoản 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 130.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm vào ngày 10/2/2009, chưa bồi thường dân sự (chưa xóa án tích).

Bản án số 17/2015/HSST ngày 28/01/2015, Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời gian phạt tù tính từ ngày 12/10/2014 (tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 34.050.000 đồng); phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 432.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Về phần dân sự: Trần Bá D phải bồi thường thiệt hại là anh Nguyễn Đình Khương 6.000.000 đồng và anh Phạm Thị Nhất 2.650.000 đồng; chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/04/2017; Đã thi hành xong khoản 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 432.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm vào ngày 31/5/2024, chưa bồi thường dân sự (chưa xóa án tích).

Bản án số 133/2017/HSST ngày 01/12/2017, Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời gian phạt tù tính từ ngày 01/9/2017 (tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.200.000 đồng); phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Về phần dân sự đã giải quyết xong trong giai đoạn điều tra; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/12/2018; Đã thi hành xong phần án phí hình sự vào ngày 19/9/2018 (chưa xóa án tích).

Bản án số 74/2019/HS-ST ngày 29/8/2019, Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời gian phạt tù tính từ ngày 25/3/2019 (tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 22.800.000 đồng); phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và 460.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Về phần dân sự: Trần Bá D phải bồi thường thiệt hại cho ông Vũ Văn Xôi số tiền 1.200.000 đồng, cho anh Nguyễn Văn Vịnh số tiền 8.000.000 đồng; D chưa thi hành khoản 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 460.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chưa bồi thường dân sự (chưa xóa án tích).

Bản án số 103/HSST ngày 26/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh N xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.000.000

đồng), tổng hợp hình phạt với Bản án số 74/2019/HS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N buộc Trần Bá D phải chấp hành hình phạt 54 tháng tù, thời gian phạt tù tính từ ngày 25/3/2019; Phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Vấn đề dân sự đã giải quyết xong trong quá trình điều tra. D đã thi hành xong 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm vào ngày 16/9/2020; Chấp hành xong án phạt tù ngày 25/9/2023 (chưa xóa án tích).

Đối với các bản án trên, bị cáo đều chưa được xóa án tích, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong vụ án này là 4.500.000 đồng nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo “ thành khẩn khai báo” và “phạm tội gây thiệt hại không lớn” được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Phạm Hoàng H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo với những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự gồm: Bị cáo phạm tội 02 lần nên có tính chất chuyên ngH và phạm tội đối với đối tượng là người dưới 16 tuổi là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu, đề nghị này.

[4] Về hình phạt: Với phân tích trên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo khi phạm tội có 05 tiền án nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt tương xứng với mức đề nghị của Kiểm sát viên và buộc bị cáo chấp hành tại trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền nhưng bị cáo không có tài sản riêng và hiện không có thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành nên không phạt tiền bị cáo.

[5] Về dân sự:

Bị hại Trần Đức Q khai nhận đã được cơ quan Công an trả lại tài sản bị chiếm đoạt là tài sản hợp pháp của mình và không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết. Bị hại Phạm Hoàng H yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 2.500.000 đồng nên cần buộc bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường cho bị hại Phạm Hoàng H 2.500.000 đồng là phù hợp với các Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được giải quyết tại giai đoạn điều tra của vụ án. Đối với 01 thẻ nhớ ghi lại nội dung diễn biến hành vi của Trần Bá D trộm cắp chiếc xe đạp được chuyển cùng hồ sơ vụ án nên cần lưu lại hồ sơ vụ án làm tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[7] Trong vụ án này, người đàn ông có hành vi mua tài sản của D nhưng không xác minh được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

Anh Trần Bá Hà cho D mượn chiếc xe mô tô BKS 16R1-6332 nhưng không biết D sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố HN đã trả lại cho anh Hà là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe trên.

[8] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại, những người đại diện hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, Tuyên bố bị cáo Trần Bá D phạm tội Trộm cắp tài sản; xử phạt bị cáo Trần Bá D **36** (Ba mươi sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 06/9/2024.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Phạm Hoàng H 2.500.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề gì để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Trần Bá D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bà Đặng Thị Minh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, các bị hại và người đại diện hợp pháp cho cháu Phạm Hoàng H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- VKSND thành phố N;
- VKSND thành phố P;
- Cơ quan điều tra công an thành phố N;
- Cơ quan THAHSCA thành phố N;
- Trại giam công an thành phố P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam công an thành phố N;
- TAND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Sở Tư pháp thành phố P;
- UBND phường H, TP.N;
- Lưu: HCTP; VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Vân